

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN NĂM 2026

Năm 2026, trường Đại học Quốc tế Sài Gòn sử dụng 3 phương thức xét tuyển sau dành cho thí sinh toàn quốc bao gồm:

- **Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT;**
- **Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT;**
- **Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM.**

Dành cho tất cả các ngành (chương trình giảng dạy tiếng Việt và tiếng Anh) khi thí sinh đáp ứng được một trong số các điều kiện quy định:

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN 2026
Truyền thông đa phương tiện	7320104	A01 (Toán, Lý, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa), C03 (Văn, Toán, Sử) D01 (Toán, Văn, Anh), D09 (Toán, Sử, Anh), D10 (Toán, Địa, Anh)
Quan hệ công chúng	7320108	A01 (Toán, Lý, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa), C03 (Văn, Toán, Sử) D01 (Toán, Văn, Anh), D09 (Toán, Sử, Anh), D10 (Toán, Địa, Anh)
Công nghệ thông tin gồm các chuyên ngành: • Công nghệ thông tin • Thiết kế vi mạch • Công nghệ thông tin y tế • Thiết kế đồ họa	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), X06 (Toán, Lý, Tin), X02 (Toán, Văn, Tin), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh)
Công nghệ giáo dục	7140103	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), X06 (Toán, Lý, Tin) X10 (Toán, Hóa, Tin), X02 (Toán, Văn, Tin), D07 (Toán, Hóa, Anh)
Luật kinh tế gồm chuyên ngành: • Luật kinh tế quốc tế	7380107	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh) X74 (Văn, Địa, GDKTPL), X78 (Văn, GDKTPL, Anh)
Khoa học máy tính gồm các chuyên ngành: • Trí tuệ nhân tạo • Kỹ thuật phần mềm • Hệ thống dữ liệu lớn • Mạng máy tính & An ninh thông tin	7480101	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), X06 (Toán, Lý, Tin) X10 (Toán, Hóa, Tin), X02 (Toán, Văn, Tin), D07 (Toán, Hóa, Anh)
Quản trị kinh doanh gồm các chuyên ngành: • Quản trị kinh doanh • Kinh tế đối ngoại • Thương mại quốc tế • Marketing số • Quản trị du lịch • Kinh doanh số	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh) A07 (Toán, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh) X01 (Toán, Văn, GDKTPL), X02 (Toán, Văn, Tin)
Thương mại điện tử	7340122	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa), X02 (Toán, Văn, Tin), D01 (Toán, Văn, Anh), X01 (Toán, Văn, GDKTPL)
Ngôn ngữ Anh gồm các chuyên ngành: • Tiếng Anh giảng dạy • Tiếng Anh thương mại	7220201	A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D09 (Toán, Sử, Anh), D14 (Văn, Sử, Anh), D15 (Văn, Địa, Anh), X78 (Văn, GDKTPL, Anh)
Kế toán gồm các chuyên ngành: • Kế toán - kiểm toán • Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý), D01 (Toán, Văn, Anh) D07 (Toán, Hóa, Anh), X01 (Toán, Văn, GDKTPL)
Quản trị khách sạn	7810201	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa) C00 (Văn, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh), X21 (Toán, Địa, GDKTPL)
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh) A07 (Toán, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh) X01 (Toán, Văn, GDKTPL), X78 (Văn, GDKTPL, Anh)
Tâm lý học gồm chuyên ngành: • Tâm lý học và tham vấn trị liệu	7310401	B00 (Toán, Hóa, Sinh), C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh), D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh), X17 (Toán, Sử, GDKTPL)

Đông phương học

gồm các chuyên ngành:

- Nhật Bản học
- Hàn Quốc học
- Trung Quốc học

- Trung Quốc học

7310608

C00 (Văn, Sử, Địa), **D01** (Toán, Văn, Anh), **D14** (Văn, Sử, Anh)
D15 (Văn, Địa, Anh), **D63** (Văn, Sử, Nhật), **D65** (Văn, Sử, Trung)